

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐÔNG TRIỀU - TKV

Số: 2120/NĐĐT-KHVT

V/v báo giá Cung cấp vật tư phục vụ
sửa chữa, bảo dưỡng - Số hiệu 05 (lần 2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 6 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang triển khai lập Dự toán **Cung cấp vật tư phục vụ sửa chữa, bảo dưỡng - Số hiệu 05**. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá danh mục hàng hóa theo phụ lục đính kèm.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV.

- Hiệu lực của báo giá: 90 ngày kể từ ngày báo giá.

- Báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của nhà thầu kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

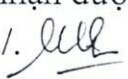
Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (Địa chỉ: Đông Sơn, phường Bình Khê, thành phố Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266.323; Fax: 0203.6266.324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com).

(Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

- Thời gian báo giá: chậm nhất ngày 30/6/2025.

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng./. 

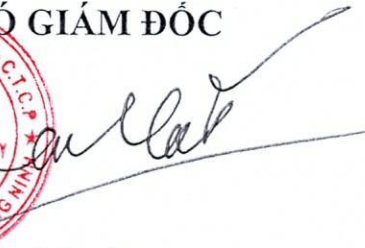
Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC




Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 2120 /NĐĐT-KHVT ngày 24/ 6 /2025 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Kích rỗng tâm	Mã hiệu: RCH 3050; 30T của nhà sản xuất Dalusan		Cái	01				(**)
2	Kìm điện đa năng	(GF-75709); kích thước 8"; chất liệu thép CRV		Cái	01				
3	Đồng hồ hiệu chỉnh đa năng	Mã hiệu: MC-1210 của nhà sản xuất Martel Electronics		Cái	01				(**)
4	Bộ cảo trong ngoài 13 chi tiết	Mã hiệu: 372S13 của nhà sản xuất ELORA		Bộ	01				(**)
5	Đe thép cơ khí	45Kg; DT45; rộng 85mm; cao 220mm; dài phẳng 310mm; tổng độ dài 500mm		Cái	03				
6	Máy gia nhiệt vòng bi	Mã hiệu: TIH 030M của nhà sản xuất SKF		Cái	01				(**)
7	Cân nước có đèn Laser	Mã hiệu: LB-0061BDC của nhà sản xuất Moore and Wright		Cái	01				(**)
8	Tay vặn khâu đảo chiều (auto)	Quy cách: 1/2inch; dài: 250mm; Kingtony		Cái	01				
9	Máy thổi hơi nóng	Mã hiệu: HG5030K, công suất 1600W của nhà sản xuất Makita		Cái	02				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
10	Máy thổi bụi	Mã hiệu: UB1103 của nhà sản xuất Makita		Cái	02				(**)
11	Máy cắt cầm tay	Mã hiệu: 9553B của nhà sản xuất Makita		Cái	02				(**)
12	Vành chèn cơ khí	Mechanical Seal Type-113 30, SIC/SIC, FKM, 304		Bộ	02				
13	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: EMG1/32-G6 A/ESIC-Q7 EGG/Y10 của Nhà sản xuất EagleBurgmann		Cái	06				(**)
14	Vành chèn cơ khí	Loại: ZU 44-45		Cái	01				
15	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: EMG1/45-G6 A/ESIC-Q7 EGG/Y10 của nhà sản xuất EagleBurgmann		Bộ	01				(**)
16	Gioăng chỉ cao su	Kích thước: 119,6x129x5,7 mm, vật liệu: cao su		Cái	04				
17	Gioăng chỉ cao su	Kích thước: 109,6x119x5,7 mm, vật liệu: cao su		Cái	02				
18	Khớp giãn nở cao su kết nối mặt bích DN150-PN16	Kích thước mặt bích: 260mm; 8 lỗ bu lông M18; khoảng cách 2 mặt bích: 140mm		Cái	01				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
19	Bộ vật tư sửa chữa bơm	Mã hiệu: PNL-20A SS316 của nhà sản xuất MILTON ROY		Bộ	01				(**)
20	Vành chèn cơ khí	Mã hiệu: DFB100-80-230 của nhà sản xuất Zigong Chuanmi Co., Ltd		Bộ	01				(**)
21	Giảm chấn 8 cánh elip	Kích thước: 120x60x22mm; Vật liệu: nhựa PU		Cái	01				
22	Thanh dẫn hướng càng gạt than	Kích thước: Thanh thép Ø12; vật liệu CT3; dài 600mm; 1 đầu có ren M12x30		Cái	04				
23	Dẫn hướng đồng 66.8x46	Theo bản vẽ MK-NL-90-01; vật liệu: Đồng thau		Cái	05				
24	Chốt tác động	Chốt dùng cho loại máy cắt 0,4kV mã hiệu KFW2-3200 của nhà sản xuất Shanghai Qiantuo Co.,Ltd		Cái	20				
25	Vòi hồ đồng xả nước	Kích thước: 1/2", chất liệu: đồng thau, tay gạt, áp suất: 16 bar, loại: nổi ren		Cái	10				
26	Máy rửa xe Honda	Mã hiệu: HD 101A (công suất 26000W; dây áp lực: 15m; súng phun; bình phun tuyết; cút nối) của nhà sản xuất Honda		Cái	01				(**)
27	Máy hút bụi công nghiệp	- Công suất hút thực tế: 1800W ~ Max 2200W/1 motor		Cái	01				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		- Điện áp: 220V - Lưu lượng khí: 120L/S - Lực hút chân không: 25.000 Pa - Dung tích thùng chứa: 40 Lít - Chất liệu bình chứa: Inox 304 nguyên chất - Đường kính bình chứa: φ345mm - Đường kính ống hút: φ40mm - Chiều cao máy: 79cm - Dây điện dài: 8m - 2 lớp lọc bụi: Lọc tiêu chuẩn - và lọc Hepa lọc được 99.99% bụi mịn và siêu mịn							
28	Búa cơ khí cán gỗ	Trọng lượng đầu búa 500g		Cái	10				
29	Sơn màu xanh xám	Pastel Blue; RAL 5024		Lít	60				
30	Dung Mối Pha Sơn	Epoxy KCC- Thinner 024		Lít	20				
31	Súng Phun Sơn	Mã hiệu: K-888G (Dung tích bình chứa 400ml) của Nhà sản xuất Yunica		Cái	03				(**)
32	Dây khí nén	PU TUBE 5x8mm		Mét	50				
33	Chổi quét sơn	1 inch		Cái	20				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
34	Chổi quét sơn	2 inch		Cái	20				
35	Chổi quét sơn	3 inch		Cái	20				
36	Chổi quét sơn	4 inch		Cái	20				
37	Bát đánh gi	D100		Cái	50				
38	Ống nhôm xanh dương	Mã hiệu: 301 00 0100 01 (Thông số: Blue aluminum pipe. 5.8M Length, DN 20mm, OD 20.1, ID 17.5) của nhà sản xuất AIRpipe		Ống	13				(**)
39	Khớp nối ren ngoài	Mã hiệu: 302 17 0100 02 (Thông số: Aluminum male threaded adaptor. DN 20mm, BSP 1/2") của nhà sản xuất AIRpipe		Cái	18				(**)
40	Khớp nối ren trong	Mã hiệu: 302 19 0100 02 (Thông số: Aluminum female threaded adaptor. DN 20mm, BSP 1/2") của nhà sản xuất AIRpipe		Cái	14				(**)
41	Góc 90 độ	Mã hiệu: 302 03 0100 02 (Thông số: Equal 90o elbow. DN 20mm) của nhà sản xuất AIRpipe		Cái	14				(**)
42	Khớp nối	Mã hiệu: 302 02 0100 01 (Thông số: Pipe to pipe connectors. DN 20mm) của nhà		Cái	05				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		sản xuất AIRpipe							
43	Dụng cụ bẻ ống	Mã hiệu: 301 47 0001 01 (Thông số: Pipe bending tool. DN 20mm) của nhà sản xuất AIRpipe		Cái	02				(**)
44	Ống cuộn nhôm	Mã hiệu: 301 35 0003 01 (Thông số: Aluminum pipe deburrer. DN 20-50mm) của nhà sản xuất AIRpipe		Cái	02				(**)
45	Kẹp cố định & phụ kiện	Mã hiệu: 302 22 0100 01 (Thông số: Fixture clips. Clips, Plastic, DN 20mm) của nhà sản xuất AIRpipe		Cái	20				(**)
46	Kẹp ống Omega phi 20	Mã hiệu: NDI16012 (Thông số: Kẹp ống Omega, đường kính Ø20(mm), chất liệu thép mạ kẽm) của nhà sản xuất Nanoco		Cái	36				(**)
47	Tán rút Inox M8	Loại: PNK-BO-7995; Thông số: kích thước phi ren 8(mm), vật liệu: SUS 304		Cái	25				
48	Súng rút ốc tán chạy bằng Pin	Mã hiệu: KPNA0510E của nhà sản xuất Toptul		Cái	02				(**)
49	Domino tép xám	Loại: FJ3N; Thông số: Tiết diện cáp sử dụng 2.5mm ² , độ dày 5.2mm, dòng định mức		Cái	25				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		32A 800V, chất liệu cách điện PA66/V-0, chất liệu tiếp điểm đồng thau mạ Nickel, kiểu nối dây Vít (M3 thép mạ kẽm), kiểu lắp đặt gắn thanh rail DIN 35mm							
50	Miếng che nhựa	Loại: D-FJ4/10; Thông số: chất liệu PA66/V-0, độ dày 1.8mm, chức năng che domino FJ3N, FJ5N, FJ6N, FJ10N		Cái	05				
51	Đánh dấu dùng cho FJ3N	Loại: ZB5 Thông số: chất liệu PA66/V-0, chức năng đánh dấu domino FJ3N, FJ3NE, FJKB2.5, FJKB3, FBK3/E-Z, FJ6-2.5		Cái	05				
52	Chặn cuối nhựa gắn thanh rail 35mm	Loại: E/FJ Thông số: chất liệu PA66/V-0, kích thước (WxH) 42x9 mm, chức năng chặn cuối nhựa gắn thanh rail 35mm		Cái	10				
53	Đánh dấu khối terminal	Loại: KLM-A; Thông số: chất liệu PA66/V-0, chức năng đánh dấu khối domino gắn trên E/FJ		Cái	05				
54	Thanh cầu nối giữa 10 cực	Loại: FBR110-5N; Thông số: số cực 10, domino tương thích có độ dày 5.2 mm		Cái	02				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
55	Cáp điều khiển có lõi CY 4x1.5 – 300/500V	Thông số: chất liệu ruột đồng – cách điện PVC – màn chắn chống nhiễu – vỏ PVC, tiết diện 4x1.5 mm ² , chiều dày cách điện 0.8 mm, đường kính tổng 11.5mm, khối lượng tổng 202 kg/km, mức cách điện 300/500V, tiêu chuẩn TCVN 6610-7		Mét	50				
56	Ốc siết có định kim loại PG13.5 = Ø20 (cable: 6-12mm)	Loại: MHD-KLPG13.5; Thông số: kích thước (A) 24mm, kích thước (D) 10mm, kích thước (E) 20.4 mm, cấp tương thích (Ø) 6~12 mm, lớp kháng nước IP66, nhiệt độ làm việc từ -40oC đến +100oC, vật liệu Brass, kích thước bulong PG 13.5		Cái	10				
57	Thanh Dín Rail nhôm	Loại: AL35/7.5. Thông số: loại thanh Dín Rail, chất liệu nhôm, kích thước (WxH) 35x7.5 mm		Ray	02				
58	Ổng ruột gà lõi thép	Loại: OMI12 - Thông số: ống ruột gà lõi thép bọc inox304 luồn dây điện chống cháy nổ CVL		Mét	50				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		OMI12, cỡ ống luồn dây điện 1/2", đường kính ngoài 20.8...21.3mm, đường kính trong 15.8...16.1mm							
59	Đầu nối ống thép luồn dây điện tron và hộp điện	Loại: ADNE12; Thông số: kích cỡ 1/2", vật liệu sản phẩm Antimon (hợp kim kẽm), kiểu nối với đường ống kẹp vít, chức năng nối ống luồn dây điện cứng với hộp điện		Cái	04				
60	Đầu nối ruột gà với hộp điện	Loại: DNCK12/I; Thông số: kích cỡ 1/2"; Thép không gỉ 304; Kiểu nối với ống: Vặn vào; Bịt ống dẫn: Ren; Ứng dụng: Ống kim loại mềm luồn dây điện		Cái	16				
61	Hộp nối ống luồn dây điện 3 ngã ren	Loại: AHC312L; Thông số: Nắp hộp: Có; Chất liệu thân: Hợp kim nhôm đúc; Chất liệu cánh: Hợp kim nhôm đúc; Lõi vào cáp: Side-Bottom-Side; Kiểu lỗ đi cáp: Ống dẫn; Số lỗ đi cáp: 3; Phương pháp lắp đặt: Lắp nổi		Cái	04				
62	Đầu hơi giảm thanh đồng	Loại: BSL-04		Cái	15				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/dvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
63	Khớp nối mềm inox 2 đầu ren trong 1/2"	Mã hiệu: DN20; L=2000mm; Ren NPT 1/2" 2 đầu Thông số: Dải kích thước DN20, vật liệu Inox, nhiệt độ 350oC, áp lực 100bar, kiểu kết nối ren trong NPT1/2", môi chất sử dụng nước, hơi, khí, hóa chất, dầu của nhà sản xuất Công ty TNHH HPG Global		Cái	08				(**)
64	Van xả nhanh khí nén	Mã hiệu: QV-25 (Thông số: Van có 3 ngã cổng P khí nén vào cổng A khí nén vào xy lanh khí cổng R xả ra ngoài, áp suất làm việc 10bar, vật liệu hợp kim nhôm, nhiệt độ làm việc 0 -70oC) của Hãng sản xuất: STNC		Cái	08				(**)
65	Bu lông lục giác chìm M8x10	M8x10mm (A2-70) Loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 c cu)		Cái	08				
66	Bu lông lục giác chìm M8x50	M8x50mm (A2-70) Loại: A2-70; vật liệu: SUS304; ren suốt (bao gồm: Bu lông + 01 đệm phẳng + 01 c cu)		Cái	16				
67	Lơ Ren	Kích thước: Ø21x21mm (Nối		Cái	12				

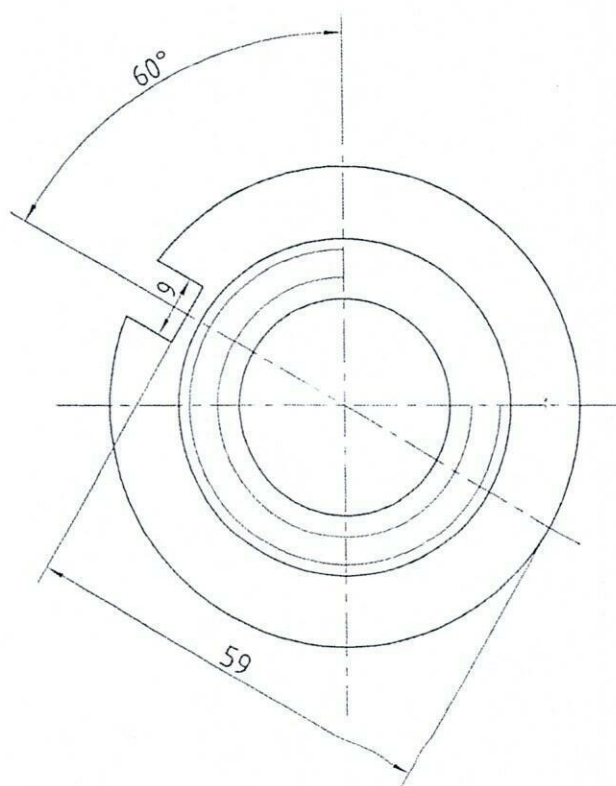
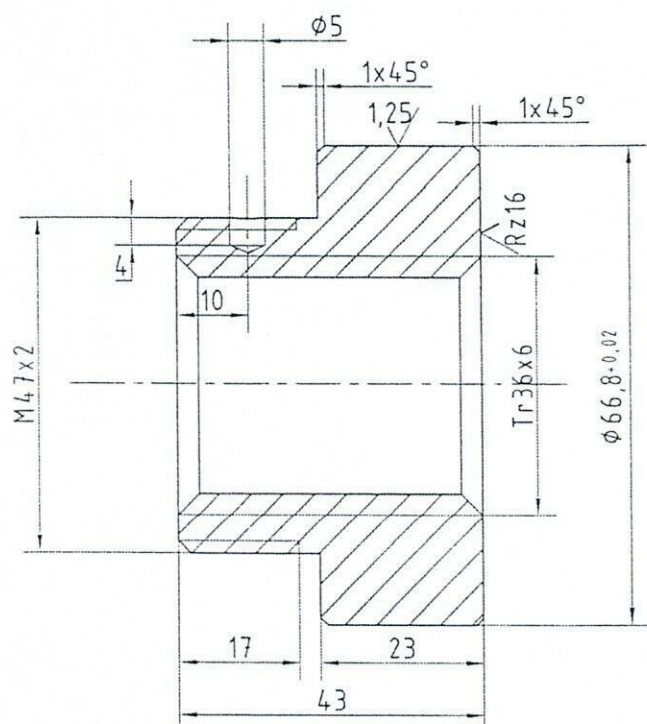
STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		Ren Trong Ren Ngoài); vật liệu: SUS304							
68	Van kim	Mã hiệu: 10N8M8FS (Vật liệu thân: Thép không gỉ 316 theo tiêu chuẩn NACE. Kích thước kết nối tiêu chuẩn: 1/2" NPT đực x cái. Kích thước lỗ tiêu chuẩn: Khoảng 4mm đến 6mm tùy thuộc vào kích thước kết nối. Áp suất làm việc lạnh tối đa: 10,000 psi (10N)) của nhà sản xuất Budenberg		Van	08				(**)
69	Van kim	Mã hiệu: 10N8F8FS (Vật liệu thân: Thép không gỉ 316 theo tiêu chuẩn NACE Kích thước kết nối tiêu chuẩn: 1/2" NPT Cái x Cái .Kích thước lỗ tiêu chuẩn: Khoảng 4mm đến 6mm tùy thuộc vào kích thước kết nối .Áp suất làm việc lạnh tối đa: 10,000 psi (10N) của nhà sản xuất Budenberg		Van	16				(**)
70	Nồi nhanh thẳng ren ngoài	Mã hiệu: PIS-PC16-G04 (Thông số: Hình dạng thẳng, Size ren ngoài R1/2", dùng		Cái	20				(**)

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
		cho ống 16mm, vật liệu đồng mạ nikel) của nhà sản xuất Pisco							
71	Đầu nối thẳng	Mã hiệu: GPC1604; (Thông số: Đầu nối thẳng dùng cho ống Ø16mm có ren 21) của nhà sản xuất Sang-A	.	Cái	140				(**)
72	Nối chữ T	Mã hiệu: GPUT1600 (Thông số: Đầu nối chữ T dùng cho ống Ø16mm) của nhà sản xuất Sang-A		Cái	12				(**)
73	Đầu nối chữ T	Mã hiệu: GPT1604; (Thông số: Đầu nối chữ T dùng cho ống Ø16mm có ren 21) của nhà sản xuất Sang-A		Cái	04				(**)
74	Đầu nối nhanh chữ L	Mã hiệu: PUL16 (Thông số: hình dạng cong 90o, dùng cho ống Ø16) của nhà sản xuất Sang-A		Cái	08				(**)
75	Kép thu 27-21	Thông số: một đầu ren 27, một đầu ren 21		Cái	08				
76	Dây rút ghi chú	Kích thước: 4x150mm nhựa (thẻ ghi 15x25mm), màu trắng đánh dấu cáp		Túi	01				
77	Bút đánh dấu dây thít băng	HERO 887		Cái	02				

STT	Tên vật tư	Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Nhà sản xuất/Xuất xứ (*)	Đơn vị tính	Khối lượng	Thời giao hàng	Đơn giá (đồng/đvt)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	tên								
78	Máng nhựa đi dây	Kích thước: 25x40x1700mm; chất liệu: PVC		Cây	01				
	Tổng								
	Thuế GTGT								
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí)								
	Bảng chữ:								

Ghi chú:

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.
- (**) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã trường hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Trong khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.



				CÀNG GẠT SILO THAN		
				DẪN HƯỚNG ĐỒNG 66,8x43	CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN ĐỒNG TRIỀU-TKV PHÒNG KỸ THUẬT-AN TOÀN	
Chức vụ	Họ và tên	Chữ ký	Ngày		Số. Lg	K.Lượng
Thiết kế	Bùi.Q.Hùng	<i>[Signature]</i>			03	Tỉ lệ 1:1
TP.KTAT	Ng.Đức.Hậu	<i>[Signature]</i>		VL: Đồng thau	Số hiệu bản vẽ MK-NL-90-01	
P.GĐ	Ng.Văn.Kỳ	<i>[Signature]</i>				